

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2023.

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ – TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Gia và bà Phạm Thị Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 167/2023/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2023 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2023 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** - sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 5, xã T L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Đỗ Văn T** – sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp 5, xã T L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 4, ấp 1, xã Ph L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Đỗ Văn T chung sống với nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống vợ chồng bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông T có quan hệ ngoại tình hay kiếm chuyện chửi bà và đánh đập bà nhiều lần. Hiện nay, ông T đang chung sống với người phụ nữ khác.

Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 06 người con chung là các cháu Đỗ Văn Ch – sinh năm 1986, Đỗ Văn Tr – sinh năm 1988, Đỗ Thị Tr – sinh năm 1990, Đỗ Văn S – sinh năm 1992, Đỗ Thị Ph – sinh năm 1996, Đỗ Văn Q – sinh năm 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn ông Đỗ Văn T trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ năm 1984, không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống vợ chồng ông thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông thừa nhận có quan hệ ngoại tình là do bà H bỏ nhà đi và khi ông bị bệnh ung thư thì bà H không chăm sóc ông. Vợ chồng xảy ra cãi vã nhau do tính cách không hợp nhau và ông có đánh bà H. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà H, ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 06 người con chung là các cháu Đỗ Văn Ch – sinh năm 1986, Đỗ Văn Tr – sinh năm 1988, Đỗ Thị Tr – sinh năm 1990, Đỗ Văn S – sinh năm 1992, Đỗ Thị Ph – sinh năm 1996, Đỗ Văn Q – sinh năm 1997. Hiện nay các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giành quyền khởi kiện cho các bên đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xác định tư cách đương sự bà H là nguyên đơn và ông T là bị đơn theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tổng đạt văn bản tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Đỗ Văn T. Về tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đương sự không có ý kiến gì. Ngày 12/5/2023, Tòa án mở phiên tòa nhưng do ông Đỗ Văn T vắng mặt lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 31/5/2023. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù ông Đỗ Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Văn T chung sống với nhau từ năm 1984, tuy không đăng ký kết hôn và không được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà H, ông T chung sống với nhau từ năm 1984 (trước ngày 03/01/1987) nên được pháp luật thừa nhận là hôn nhân thực tế. Như vậy, hôn nhân của bà H, ông T là hợp pháp.

Theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì “Trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn...”. Căn cứ quy định trên, Tòa án thụ lý giải quyết đơn xin ly hôn của bà H theo thủ tục chung.

Tại biên bản lấy lời khai của các đương sự, kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông T có quan hệ ngoại tình rồi kiếm có gây chuyện đánh đập bà...vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, mạnh ai người đó sống, không quan tâm chăm sóc gì đến nhau. Mặc dù ông T không đồng ý ly hôn nhưng quá trình giải quyết ông T thừa nhận ông có quan hệ ngoại tình và đánh đập bà H, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Ông T cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, có thái độ bỏ mặc, muốn ra sao thì ra, không có thiện trí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Lời trình bày của bà H, ông T phù

hợp với kết quả xác minh tại địa phương xã Tà Lại, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Xét thấy: Hôn nhân của bà H, ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở.

[2.2] Về con chung: Các con chung là Đỗ Văn Ch – sinh năm 1986, Đỗ Văn Tr – sinh năm 1988, Đỗ Thị Tr – sinh năm 1990, Đỗ Văn S – sinh năm 1992, Đỗ Thị Ph – sinh năm 1996, Đỗ Văn Q – sinh năm 1997 đều đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội.

Mục 1 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03 tháng 01 năm 2001.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoa.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Đỗ Văn T.
2. Về con chung: Các con chung là Đỗ Văn Ch – sinh năm 1986, Đỗ Văn Tr – sinh năm 1988, Đỗ Thị Tr – sinh năm 1990, Đỗ Văn S – sinh năm 1992, Đỗ Thị Ph – sinh năm 1996, Đỗ Văn Q – sinh năm 1997 đều đã thành niên, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- UBND xã Tà Lài;
- Lưu (hồ sơ, án văn)./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Bá Đức

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Gia

Phạm Thị Liễu

Nguyễn Bá Đức

